

Bản án số: 29/2025/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2025
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Minh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025; về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/9/2025; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh ngày 18/5/2001; Có mặt

Căn cước số: 0173010041xx; cấp ngày 07/11/2023

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Kim A, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh ngày 27/3/1997; Vắng mặt

Căn cước số: 017097004782; cấp ngày 14/8/2022

Nơi cư trú: Xóm T, xã Hợp K, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/02/2020, sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và nhiều lần anh Th chửi mắng đánh đập tôi, rượu chè không lo làm ăn, vào năm 2020 anh Th đi tù sau 02 năm đi tù về anh Th vẫn không thay đổi, vẫn rượu chè

chửi mắng đánh đập tôi, sau đó tôi có làm đơn xin ly hôn nhưng được gia đình hai bên khuyên ngăn tôi có xin rút đơn về nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã cuộc sống hôn nhân không như mong muốn. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không khắc phục được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn Th.

- *Về con chung*: Có 01 con chung Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 16/02/2019, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chưa yêu cầu anh Bùi Văn Th cấp dưỡng nuôi.

- *Tài sản, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Bùi Văn Th*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Bùi Văn Th hợp lệ, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Bùi Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; ý kiến về tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị D giữ nguyên các yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Anh Bùi Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục Tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71; đối với bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị D. Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn Th; Về con chung: Có 01 con chung Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 16/02/2019, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chưa yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, xét thấy yêu cầu của chị D là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận ý kiến của chị D, giao cháu Th cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác; Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không đề cập; Về án phí chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng:*

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn Th hiện đang cư trú tại xã Hợp K, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, anh Bùi Văn Th đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

+ Đối với yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D: Năm 2020 anh chị kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Th rượu chè không lo làm nhiều lần chửi mắng đánh đập chị, vào năm 2020 anh Th đi tù sau 02 năm đi tù về anh Th vẫn không thay đổi, vẫn rượu chè chửi mắng đánh đập chị, sau đó chị có làm đơn xin ly hôn nhưng được gia đình hai bên khuyên ngăn nên chị xin rút đơn, nhưng khi chung sống vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã cuộc sống hôn nhân không như mong muốn. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn Th.

+ Đối với anh Bùi Văn Th: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Bùi Văn Th hợp lệ, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Bùi Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn; ý kiến về tài sản chung, công nợ chung.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú, năm 2020 anh Th đi chấp hành án tù về tội Cố ý gây thương tích, đến năm 2022 trở về địa phương vợ chồng anh, chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì đoàn thể nơi cư trú không biết, do anh chị không đề nghị đoàn thể hòa giải, xác minh người thân mẹ anh Th, chị D và anh Th không có mâu thuẫn đến khi Th đi chấp hành án về khoảng cuối năm 2022 chị D không về nhà nữa, anh Th không muốn ly hôn nên không đến Tòa án.

Tại phiên Tòa chị Bùi Thị D vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn Th do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, thời gian chung sống khi vợ chồng mâu thuẫn anh Th đánh đập chị, mâu thuẫn đã trầm trọng không khắc phục được. HĐXX nhận thấy theo lời trình bày của chị D

thì mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn Th, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 16/02/2019, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy ý kiến và yêu cầu của chị là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị D, giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các bên có yêu cầu mới, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Xác nhận có 01 con chung. Giao con Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác, chị D chưa yêu cầu anh Bùi Văn Th cấp dưỡng nuôi con; anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 (Ba trăm

ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0003482 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình (Nay là Phòng hành án dân sự Khu vực 13 - Phú Thọ).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 13 - Phú Thọ;
- UBND Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự